

Phụ lục I

TRƯỜNG THCS MẠO KHÊ II
TỔ VĂN - SỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC
MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ LỚP 6
(Năm học 2022 -2023)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 8; Số học sinh: 317 ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):.....

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 17 ;Trình độ đào tạo:Cao đẳng: 01 Đại học:13 Trên đại học:03

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp: Tốt:.....; Khá:.....; Đạt:.....; Chưa đạt:.....

3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính	7	Dạy học kiến thức mới	
2	Ti vi	7	Dạy học kiến thức mới	
3	Máy chiếu vật thể	7	Dạy học kiến thức mới	
4	Bảng phụ	20	Dạy học kiến thức mới	
5	Phiếu học tập	50	Dạy học kiến thức mới	

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (không có)

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

PHÂN LỊCH SỬ

S T T	Bà i họ c	S ố t i ế t	Yêu cầu cần đạt
CHƯƠNG 1 - VÌ SAO PHẢI HỌC			

LỊCH SỬ			
1	Bài 1 - Lịch sử và cuộc sống	1	1. Kiến thức - Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử. - Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ. - Giải thích được vì sao cần thiết phải học môn Lịch sử. 2. Năng lực * Năng lực riêng/ đặc thù: Tái hiện kiến thức lịch sử, nhận xét, phân tích. - Năng lực tìm hiểu lịch sử: + Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử. + Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: + Giải thích được vì sao cần thiết phải học môn Lịch sử. * Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. 3. Phẩm chất - Giáo dục lòng yêu nước: biết gốc tích tổ tiên, quê hương để từ đó bồi đắp thêm lòng yêu nước. Có thái độ đúng đắn khi tham quan di tích lịch sử, Bảo tàng.
2	Bài 2 - Dự án và ô đồ để biết và dự ng lại lịch sử ?	2	1. Kiến thức - Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu(tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết). 2. Năng lực *Năng lực riêng/ đặc thù: Tái hiện kiến thức lịch sử, nhận xét, phân tích. - Năng lực tìm hiểu lịch sử: + Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu(tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết). + Khai thác một số kênh hình trong bài học.
3	Bài 1	1	1. Kiến thức

	3 - Th ời gia n tro ng lị ch sử		- Cách tính thời thời gian trong lịch sử theo dương lịch và âm lịch. - Cách tính thời gian theo Công lịch và những quy ước gọi thời gian theo chuẩn quốc tế 2. Năng lực *Năng lực riêng/ đặc thù - Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử “Quan sát, khai thác và sử dụng thông tin của tư liệu lịch sử được sử dụng trong bài học Nêu được một số khái niệm về thời gian trong lịch sử như thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, Công nguyên, âm lịch, dương lịch. - Nhận thức và tư duy lịch sử + Hiểu cách tính thời gian theo quy ước chung của thế giới. - Phát triển năng lực vận dụng + Biết đọc, ghi, và tính thời gian theo quy ước chung của thế giới. + Sắp xếp các sự kiện lịch sử theo trình tự thời gian. * Năng lực chung: tự chủ, giao tiếp hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo 3. Phẩm chất + Tính chính xác khoa học trong học tập và cuộc sống + Biết quý trọng thời gian để có trách nhiệm với cuộc sống hiện tại của mình.
	CHƯƠNG 2- XÃ HỘI NGUYÊN THỦY		
4	Bài 4 - Ng uồ n gố c loà i ng ườ i	2	1. Kiến thức - Sự xuất hiện của con người trên Trái Đất – điểm bắt đầu của lịch sử loài người. - Sự hiện diện của Người tối cổ ở Đông Nam Á và Việt Nam. 2. Năng lực *Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: + Quan sát khai thác và sử dụng được thông tin một số tư liệu lịch sử. Kể tên những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên khu vực ĐNA và Việt Nam - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: + Trình bày quá trình tiến hóa từ vượn thành người trên Trái Đất + Xác định được những dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á và Việt Nam trên bản đồ - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: + Lý giải một số vấn đề thực tiễn mà các em quan sát được trong thực tế (các màu da khác nhau trên thế giới, suy luận về quá trình tiến hoá của con người hiện nay) * Năng lực chung: tự chủ, giao tiếp hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo 3. Phẩm chất

			Giáo dục bảo vệ môi trường sống tình cảm đối với tự nhiên là nhân loại.
5	Bài 5 - Xã hội nguyên thủy	2	1. Kiến thức - Các giai đoạn tiến triển của xã hội người nguyên thủy. - Đời sống của người thời nguyên thủy (vật chất, tinh thần, tổ chức xã hội,...). - Vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người. Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam 2. Năng lực *Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Quan sát, khai thác và sử dụng được thông tin của tư liệu lịch sử được sử dụng trong bài học - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử + Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy + Trình bày được những nét chính về đời sống của con người thời nguyên thủy trên thế giới và Việt Nam + Đánh giá được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của con người thời nguyên thủy và xã hội loài người - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học + phân biệt được rìu tay với hòn đá tự nhiên + sử dụng kiến thức về vai trò của lao động để liên hệ với vai trò của lao động đối với bản thân, gia đình và xã hội * Năng lực chung: tự chủ, giao tiếp hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo 3. Phẩm chất + Ý thức được tầm quan trọng của lao động với bản thân và xã hội + biết ơn con người xa xưa đã phát minh ra lửa, lương thực thực...
6	Bài 6 - Sự chuyển biến và phân hóa xã hội	2	1. Kiến thức Quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp. Tan rã của xã hội nguyên thủy và sự hình thành xã hội có giai cấp trên thế giới và ở Việt Nam. - Sự phân hoá không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông 2. Năng lực *Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: biết quan sát, khai thác và sử dụng được thông tin của tư liệu lịch sử được sử dụng trong bài học - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: +Trình bày được quá trình phát triển ra kim loại và vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp + Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp. + Giải thích được vì sao xã hội nguyên thủy tan rã. + Nêu và giải thích được sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở Phương Đông + Trình bày được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy Việt Nam trong quá trình tan rã - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: + Tập tìm hiểu lịch sử giống như một nhà sử học (Viết văn bản lịch sử dựa trên Chứng cứ lịch sử)

	hội ng uy ên th uỷ		+ Vận dụng kiến thức Lịch sử để mô tả một số hiện tượng trong cuộc sống (những đồ vật xung quanh em thừa hưởng phát minh ra kim loại từ thời nguyên thủy) * Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. 3. Phẩm chất Tình cảm đối với thiên nhiên và nhân loại. tôn trọng những giá trị nhân bản của loài người nhưng sự bình đẳng trong xã hội, tôn trọng di sản văn hóa của tổ tiên để lại
	CHƯƠNG 3. XÃ HỘI CỔ ĐẠI		
7	Bài 7 - Ai cập và Lư ỡng Hà cổ đại	3	1. Kiến thức - Điều kiện tự nhiên của Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại. - Quá trình thành lập nhà nước Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại. - Những thành tựu văn hoá tiêu biểu của cư dân Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại. 2. Năng lực *Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Quan sát, khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu để. Nêu được tên những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập, Lưỡng Hà - Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử + Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập, Lưỡng Hà + Trình bày được một số công trình kiến trúc tiêu biểu - Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học - Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành của nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại Vận dụng kiến thức, trình bày quan điểm cá nhân về một vấn đề; quan sát lớp học, kết hợp với kiến thức toán học tính toán chiều cao của lớp học với chiều cao của kim tự tháp Keops để hình dung ra sự kì vĩ, to lớn của kim tự tháp. *Năng lực chung: tự chủ và tự học (Thích ứng với cuộc sống) qua việc HS biết liên hệ thực tiễn về vai trò của nguồn nước, đất đai đối với sự phát triển của những cộng đồng dân cư và với cá nhân. * Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. 3. Phẩm chất Trân trọng những cống hiến mang tính tiên phong của nhân loại và bảo vệ những giá trị văn hoá của nhân loại.
8	Ôn tập	1	1. Kiến thức ôn tập + Lịch sử là gì, cách tính thời gian trong lịch sử + Nguồn gốc loài người, xã hội nguyên thủy + Ai cập, Lưỡng Hà. 2. Năng lực + Trình bày sự xuất hiện của con người trên Trái Đất; Các giai đoạn phát triển của thời nguyên thủy thông qua lao động sản xuất; Lý giải nguyên nhân tan rã của xã hội nguyên thủy

			+ Trình bày được tác động điều kiện tự nhiên đã hình thành nên các quốc gia cổ đại; + trình bày và đánh giá những thành tựu văn hoá lớn thời cổ đại. + Biết so sánh, khái quát và đánh giá các sự kiện lịch sử tiêu biểu + Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. 3. Phẩm chất - Giáo dục lòng tự hào ngưỡng mộ sự sáng tạo của con người ở thời đại cổ đại.
9	Kiểm tra giữ a kì I	1	1. Kiến thức + Kiểm tra kiến thức trong những bài đã học 2. Năng lực + nêu tên và trình bày được ý nghĩa của các loại tư liệu lịch sử + Nêu được sự xuất hiện con người trên Trái Đất + Trình bày được sự khác nhau giữa người tối cổ và người Tinh khôn về hình dáng, công cụ, tổ chức xã hội + giải thích được sự tan rã của xã hội nguyên thủy; - Rèn luyện kĩ năng nêu và đánh giá vấn đề, so sánh... 3. Phẩm chất - Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác trong kiểm tra..
10	Bài 8 - Ấn Độ cổ đại	3	1. Kiến thức + Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên của Ấn Độ cổ đại. + Xã hội Ấn Độ cổ đại. + Những thành tựu văn hoá tiêu biểu. 2. Năng lực *Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Biết quan sát, khai thác và sử dụng được thông tin của tư liệu lịch sử được sử dụng trong bài học. Nêu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn Sông Hằng - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: + Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ + Nêu và trình bày những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: HS phát triển năng lực vận dụng.
11	Bài 9 – Trung Quốc cổ từ	3	1. Về kiến thức + Điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại. + Sơ lược tiến trình lịch sử Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỷ 7. + Nhận biết được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Trung Quốc thời kỳ này. 2. Năng lực *Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Biết quan sát, khai thác và sử dụng được thông tin của tư liệu lịch sử được sử dụng trong bài học nêu được các thành tựu văn hoá

	th ời cổ đại đế n thế kỷ VII		- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:: + Trình bày được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại + Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến dưới thời Tần Thủy Hoàng + Xây dựng được đường thời gian từ đế chế Hán, Nam- Bắc triều đến thời nhà Tùy - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: + biết trình bày và giải thích thích chủ kiến về vai trò của nhà Tần; về tư tưởng “ tiên học lễ, hậu học văn” + Vận dụng hiểu biết để làm rõ vai trò của các phát minh kỹ thuật làm giấy đối với xã hội hiện đại * Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. 3. Phẩm chất + Có thái độ khách quan trong nhìn nhận các nhân vật và sự kiện lịch sử + Có ý thức tôn trọng và học hỏi cái hay, cái đẹp trong văn hóa của các dân tộc kh khác.
1 2	Bài 10 - Hy Lạp và La Mã cổ đại	3	1. Kiến thức - Điều kiện tự nhiên của Hy Lạp, La mã cổ đại. - Nhà nước Hy Lạp, La Mã cổ đại. - Những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã thời kì này. 2. Năng lực *Năng lực riêng/ đặc thù - Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử :Kĩ năng đọc hiểu và phân tích thông tin năng lực phân tích tư liệu - Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử + Giới thiệu và phân tích được những tác động của điều kiện tự nhiên (hải cảng, biển đảo) đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp, La Mã. +Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang, nhà nước đế chế ở Hy Lạp và La Mã. + Trình bày một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp và La Mã. - Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học + Sử dụng kiến thức toán học để giải quyết câu hỏi trong bài + Biết cách sử dụng các kiến thức đã học trong bài để giải quyết câu hỏi phần vận dụng - Năng lực chung: Tự học, tự chủ, hợp tác, giao tiếp 3. Phẩm chất - có thái độ trân trọng và đánh giá đúng đắn những công việc mang tính tiên phong của người Hy Lạp – La Mã đối với thế giới.
CHƯƠNG 4. ĐÔNG NAM Á TỪ THẾ KỶ TIẾP GIÁP ĐẦU CÔNG			

NGUYỄN ĐẾN THẾ KỈ X.			
1 3	Bài 11 - Các quốc gia sơ kì Đông Nam Á	1	1. Kiến thức - [Trình bày được sơ lược vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á. - Trình bày được quá trình xuất hiện và sự giao lưu thương mại của các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII. 2. Năng lực *Năng lực riêng/ đặc thù - Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử : Khai thác và sử dụng được thông tin có trong tư liệu, hình thành kĩ năng đọc bản đồ, lược đồ để xác định mối liên hệ giữa các quốc gia cổ với các quốc gia Đông Nam Á hiện tại. - Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử + Trình bày được vị trí địa lý của khu vực + Miêu tả được sự xuất hiện của các vương quốc cổ trước thế kỉ VII - Phát triển năng lực vận dụng + Vận dụng kiến thức để liên hệ với hiện tại (mối liên hệ giữa các vương quốc cổ, vương quốc phong kiến và các quốc gia Đông Nam Á hiện tại). - Năng lực tự học, giao tiếp, hợp tác * Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. 3. Phẩm chất + Nhân ái, biết tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hóa, học hỏi để hòa nhập + Có ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa chung của khu vực Đông Nam Á + Giáo dục tinh thần chung thống nhất của khu vực và hướng tới cộng đồng chung Asean.
1 4	Ôn tập	1	1. Kiến thức ôn tập + Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại + Ấn Độ, Trung Quốc cổ đại + Hy Lạp, La Mã cổ đại + Các quốc gia Đông Nam Á sơ kì. 2. Năng lực + Trình bày được tác động điều kiện tự nhiên đã hình thành nên các quốc gia cổ đại; + trình bày và đánh giá những thành tựu văn hoá lớn thời cổ đại. + Biết so sánh, khái quát và đánh giá các sự kiện lịch sử tiêu biểu + Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. 3. Phẩm chất - Giáo dục lòng tự hào ngưỡng mộ sự sáng tạo của con người ở thời đại cổ đại.
1	Kiểm	1	1. Kiến thức

5	m tra cu ối kì I		+ Kiểm tra kiến thức trong những bài đã học 2. Năng lực + nêu tên và tình bày được ý nghĩa của các loại tư liệu lịch sử - Rèn luyện kĩ năng nêu và đánh giá vấn đề, so sánh... 3. Phẩm chất - Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác trong kiểm tra..
1 6	Bài 12: Sự hình thành và bức đầu u phát triển của các vùng quốc phong kiến trúc ở Đô	1	1. Kiến thức - Sự hình thành và phát triển ban đầu của các quốc gia phong kiến ở Đông Nam Á - Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu thương mại ở các quốc gia ở Đông Nam Á. 2. Năng lực *Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: * Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. 3. Phẩm chất + Trách nhiệm + Nhân ái: giáo dục tinh thần chia sẻ giữa các nền văn hóa (học hỏi, hòa nhập, tập sống Thôn Tính, không xâm lược)

	ng Na m Á (T K VII - X)	
1 7	Bài 13 - Gia o lư u vã n hó a ở Đô ng Na m Á(từ đầ u cô ng ng uy ên đến thế	1. Kiến thức Mối liên hệ giữa khu vực Đông Nam Á với thế giới bên ngoài từ đầu công nguyên đến thế kỷ 10 2. Năng lực *Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Kỹ năng đọc bản đồ (chỉ ra con đường quốc tế trên vùng biển Đông Nam Á trước thế kỷ X) - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: + Trình bày được con đường giao thương trên biển ở khu vực Đông Nam Á + Hiểu được ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đối với sự phát triển của lịch sử trong 10 thế kỷ đầu Công Nguyên + Phân tích được những tác động của quá trình giao lưu thương mại và văn hóa đối với khu vực trong 10 thế kỷ đầu Công Nguyên - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Xác định được chủ quyền biển Đông thuộc về vương quốc nào ngày xưa và vương quốc nào ngày nay * Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. 3. Phẩm chất + Trách nhiệm: từ sự thật lịch sử về con đường giao thương và giao lưu văn hóa ở Đông Nam Á, giáo dục chủ quyền biển đảo cho học sinh + Nhân ái: giáo dục tinh thần chia sẻ giữa các nền văn hóa (học hỏi, hoa nhập, tập sống Thôn Tính, không xâm lược)

	kỉ X)		
CHƯƠNG 5. VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X.			
1 8	Bài 14 - Nh à nư ớc Vă n L a n g Â u L ạ c	3	1. Kiến thức - Quá trình dựng nước và buổi đầu giữ nước của tổ tiên người Việt. - Những nhà nước cổ đại đầu tiên của người Việt: nước Văn Lang và nước Âu Lạc - Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang Âu Lạc - Những phong tục trong văn hoá Việt Nam hình thành từ thời Văn Lang – Âu Lạc. 2. Năng lực - Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử: Nhận diện, phân biệt, khai thác và sử dụng được thông tin có trong các loại hình tư liệu cấu thành nên bài học (truyền thuyết, tư liệu hiện vật, tư liệu gốc, sơ đồ, lược đồ. Nêu được khoảng thời gian thành lập, không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc. - Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử + Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc + Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang Âu Lạc - Phát triển năng lực vận dụng + Xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc trên bản đồ hoặc lược đồ. + Xác định được vị trí của kinh đô nước Âu Lạc theo địa bàn hiện tại. + Liên hệ được những phong tục trong văn hoá Việt Nam hiện nay kế thừa từ thời Văn Lang – Âu Lạc. * Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. 3. Phẩm chất + Có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc + Yêu nước, ghi nhớ công ơn xây dựng đất nước của tổ tiên.
1 9	Bài 15: Chí nh	3	1. Kiến thức + chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc: Tổ chức bộ máy cai trị, chính sách bóc lột về kinh tế ra văn hóa về văn hóa xã hội + những chuyển biến về kinh tế, thể xã hội, I văn hóa ở Việt Nam thời Pháp thuộc

	sắc h cai trị củ a các tri ều đại ph on g kiế n ph ươ ng Bắ c và ch uy ển biế n củ a xã hội Âu Lạ c		+ Cuộc chiến chống đồng hóa, Tiếp thu văn hóa bên ngoài và bảo tồn văn hóa Việt 2. Năng lực. *Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Nhận diện, phân biệt, khai thác và sử dụng được thông tin có trong các loại hình tư liệu cấu thành nên bài học; Hình ảnh ảnh sơ đồ lược đồ - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: + Trình bày một số chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc thời Bắc thuộc + Nhận biết được một số chuyển biến quan trọng về kinh tế, thể xã hội, I văn hóa ở Việt Nam trong thời Bắc thuộc - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Viết suy luận làm văn về một hậu quả từ chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc đối với nước ta a * Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. 3. Phẩm chất + có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc + sẵn sàng góp sức mình xây dựng và bảo vệ tổ quốc
20	Bài 16: Cá	4	1. Kiến thức Nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong công cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta trước thế kỉ X

	c cu ộc kh ởi ng hĩa tiêu biểu u già nh độ c lập trư ớc thế kỉ X		2. Năng lực *Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Cách sử dụng lược thông tin của các lược đồ, sơ đồ khởi nghĩa trong bài - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: + giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa + Trình bày được những diễn biến chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu + Trình bày kết quả ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu + lập được biểu đồ, sơ đồ vì các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: học sinh phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học qua việc tham gia tập vận dụng * Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. 3. Phẩm chất + Yêu nước, sẵn sàng góp sức mình xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
2 1	Ôn tập	1	1. Kiến thức ôn tập + Các quốc gia sơ kì Đông Nam Á + Sự hình thành và phát triển các quốc gia ở Đông Nam Á + Giao lưu văn hóa ở Đông Nam Á + Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc + Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và chuyển biến của XH Âu Lạc + Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập trước thế kỉ X 2. Năng lực + Trình bày được nội dung chính bài học + Biết so sánh, khái quát và đánh giá các sự kiện lịch sử tiêu biểu + Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. 3. Phẩm chất - Giáo dục lòng tự hào ngưỡng mộ sự sáng tạo của con người.
2 2	Kiểu m	1	1. Kiến thức Nắm được nội dung chính sau:

	tra giữ a kì II		+ Sự hình thành và bước đầu phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á (TK VII - X) + Giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á (từ đầu công nguyên đến thế kỷ X) + Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc + Chính sách cai trị của phong kiến hướng Bắc và sự chuyển biến của xã hội Âu Lạc. + Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập trước thế kỷ X 2. Năng lực + Lập bảng so sánh nhà nước Văn Lang và Âu Lạc + Nêu các chính sách cai trị của các triều đại phong kiến Phương Bắc đối với nước ta - Bồi dưỡng kỹ năng bước đầu so sánh, khái quát và đánh giá các sự kiện Lịch sử - Định hướng phát triển năng lực: + Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. 3. Phẩm chất Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác trong kiểm tồn - Giáo dục lòng tự hào ngưỡng mộ sự sáng tạo của con người ở thời đại cổ đại.
2 3	Bài 17: Cu ộc đấ u tra nh bả o tồ n và ph át tri ển văn hóa dân tộc	2	1. Kiến thức - Cuộc đấu tranh về văn hoá và bảo vệ bản sắc văn hoá của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. 2. Năng lực *Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Giải mã các tư liệu lịch sử kên hình và chữ viết có trong bài - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Giới thiệu được những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hóa và bảo vệ bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam thời Bắc thuộc - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vai trò của tiếng Việt trong bảo tồn văn hóa việt ở cả quá khứ và hiện tại * Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. 3. Phẩm chất + Có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc + Yêu nước, sẵn sàng góp sức mình xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

	n tộc củ a ng ườ i Việ t		
2 4	Bài 18: Bư ớc ng oặt lị c h sử đầ u thế kỷ X	3	1. Kiến thức Những sự kiện dẫn đến bước ngoặt trong công cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc ta vào thế kỉ X 2. Năng lực *Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: khai thác và sử dụng những thông tin của một số tư liệu lịch sử đơn giản trong bài - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: + Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương. + Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền. + Trình bày ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: học sinh phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học qua việc tham gia tập vận dụng * Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. 3. Phẩm chất + Yêu nước, sẵn sàng góp sức mình xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
2 5	Bài 19: Vư ơ n g qu ốc Ch ăm Pa từ	2	1. Kiến thức + Lịch sử hình thành và phát triển của vương quốc cổ Cham Pa + Những nét đặc sắc về kinh tế, xã hội của cư dân Cham Pa + Một số thành tựu văn hóa Cham pa 2. Năng lực *Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Biết cách khai thác sử dụng các tư liệu để tiếp nhận kiến thức - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử + Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển của Champa. + Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Champa. + Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Champa.

	thế kỉ II đế n thế kỉ X		- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: + Hiểu được yếu tố nào của văn hóa Cham Pa góp phần tạo nên sự phong phú của văn hóa Việt Nam + Những thành tựu văn hóa tiêu biểu nào của vương quốc Champa vẫn được bảo tồn đến ngày nay * Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
2 6	Bài 20: Vư ơ n g qu ốc Ph ù Na m	2	1. Kiến thức + Qua trình hình thành, phát triển suy vong của vương quốc Phù Nam; những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của phù Nam; một số thành tựu văn hóa của Phù Nam 2. Năng lực *Năng lực riêng/ đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Khai thác và sử dụng được tư liệu để dựng lên bức tranh lịch sử gần đúng với sự thật nhất về thời kỳ Phù Nam trên đồng bằng sông Cửu Long Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Phù Nam. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: + Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam. + Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam. + Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Phù Nam. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: + Nhận biết mối liên hệ giữa văn hóa phù Nam với văn hóa Nam Bộ ngày nay * Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. 3. Phẩm chất + Giáo dục niềm tự hào về vùng đất Nam bộ xưa- cửa ngõ giao lưu văn hóa thế
2 7	Ôn tập	1	1. Kiến thức + Ôn tập Tổng hợp kiến thức học kỳ 2 2. Năng lực + Lập bảng so sánh các quốc gia cổ đại + Lập được biểu đồ, sơ đồ và trình bày được những nét chính; giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...). + Lập bảng tổng hợp kiến thức Cham Pa – Phù Nam * Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. 3. Phẩm chất + Chăm chỉ, tự học tự chủ và giao tiếp
2	Kiểm	1	1. Kiến thức

8	m tra cu ối kì II	+ Điều kiện tự nhiên, qua trình thành lập nhà nước, thành tựu văn hoá của các quốc gia cổ đại + Các cuộc khởi nghĩa + Chiến thắng bước ngoặt + Nhà nước Chăm Pa, Âu Lạc 2. Năng lực + Nêu, trình bày, nhận xét và đánh giá một vấn đề ở mục kiến thức + biết trình bày một bài lịch sử 3. Phẩm chất - Hình thành ý thức nghiêm túc, tự giác, trách nhiệm của bản thân đối với việc học tập.
----------	----------------------------------	---

PHÂN ĐỊA LÝ

Học kì I: 18 tuần x 1,5 tiết/ tuần = 27 tiết

Học kì II: 17 tuần x 1,5 tiết/tuần = 25 tiết

Cả năm: 52 tiết (Từ tuần 1-4: 1 tiết /tuần = 4 tiết.

từ tuần 5-8: 2 tiết/tuần = 8 tiết

từ tuần 9-12: 1 tiết/tuần = 4 tiết

từ tuần 13-18: 2 tiết/tuần = 11 tiết)

STT	Bài học/bài kiểm tra, đánh giá định kì	Số tiết	Tiết theo ppct	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
HỌC KÌ I					
1	Bài mở đầu	1	1	– Biết được tầm quan trọng của việc nắm các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và trong sinh hoạt. – Giải thích được ý nghĩa và sự lí thú của việc học môn Địa lí. – Nêu được vai trò của Địa lí trong cuộc sống.	
CHƯƠNG 1: BẢN ĐỒ-PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT					
2	Bài 1: Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Tọa độ địa lí	2	2,3	– Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu; ghi được tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ.	
3	Bài 2: Bản đồ. Một số lưới kinh, vĩ tuyến. Phương hướng trên bản đồ.	1	4	– Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.	
4	Bài 3: Tỷ lệ bản đồ. Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỷ lệ bản đồ.	1	5	- Biết xác định hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỷ lệ bản đồ.	

5	Bài 4: Kí hiệu và bảng chú giải bản đồ. Tìm đường đi trên bản đồ	2	6,7	– Biết đọc các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình. – Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ. – Biết tìm đường đi trên bản đồ.	
6	Bài 5: Lược đồ trí nhớ	1	8	– Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân học viên.	
CHƯƠNG 2. TRÁI ĐẤT- HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI					
7	Bài 6: Trái Đất trong hệ Mặt Trời	1	9	– Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời. – Trình bày được hình dạng, kích thước Trái Đất.	
8	Bài 7: Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả.	2	10,11	– Trình bày được chuyển động của Trái Đất (quanh trục và quanh Mặt Trời). – Nhận biết được giờ địa phương/giờ khu vực, so sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất.	
9	ÔN TẬP GIỮA KÌ 1	1	12	Ôn tập, củng cố kiến thức đã học ở chương 1,2. Rèn kĩ năng về bản đồ.	
10	KIỂM TRA GIỮA KÌ 1	1	13	Nắm được các kiến thức đã học ở chương 1,2. Rèn các kĩ năng về bản đồ.	
11	Bài 8: Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả	2	14,15	– Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau.	
12	Bài 9: Xác định phương hướng ngoài thực tế	1	16	– Biết sử dụng địa bàn (la bàn) để xác định được phương hướng ngoài thực tế dùng địa bàn.	
CHƯƠNG 3: CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT					
13	Bài 10: Cấu tạo của Trái Đất. Các mảng kiến tạo	1	17	– Trình bày được cấu tạo của Trái Đất gồm ba lớp.	
14	Bài 11: Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi	1	18	– Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau.	
15	Bài 12: Núi lửa và động đất	1	19	– Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa và nêu được nguyên nhân của hiện tượng này. Biết tìm kiếm thông tin về các thảm họa thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra.	

16	Bài 13. Các dạng địa hình chính trên Trái Đất. Khoáng sản	2	20,21	– Trình bày được quá trình nội sinh và ngoại sinh. – Trình bày được tác động của quá trình nội sinh và ngoại sinh đến địa hình bề mặt Trái Đất. – Trình bày được các dạng địa hình chính trên Trái Đất.	
17	Bài 14. Thực hành: Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản	1	22	– Biết đọc lát cắt địa hình đơn giản.	
CHƯƠNG 4: KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU					
18	Bài 15. Lớp vỏ khí của Trái Đất. Khí áp và gió (tiết 1)	2	23	– Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu; Biết được vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic. – Kể được tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí.	
19	ÔN TẬP CUỐI KÌ 1	1	24	Ôn tập, củng cố kiến thức đã học ở chương 1,2,3	
20	KIỂM TRA CUỐI KÌ 1	1	25	Nắm được kiến thức đã học ở chương 1,2,3 rèn các kỹ năng về bản đồ, Trái Đất.	
21	Bài 15. Lớp vỏ khí của Trái Đất. Khí áp và gió (tiết 2)	2	26	– Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.	
22	Bài 16. Nhiệt độ không khí. Mây và mưa	1	27	– Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ. – Mô tả được hiện tượng hình thành mây, mưa. – Biết cách sử dụng nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế. – Phân biệt được thời tiết và khí hậu. – Trình bày được khái quát đặc điểm của một trong các đới khí hậu. – Xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới.	
HỌC KÌ II					
23	Bài 17. Thời tiết và khí hậu. Biến đổi khí hậu	2	28,29	– Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu. – Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.	
24	Bài 18. Thực hành ; Phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa	2	30,31	- Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa. - Xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một	

				số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới.	
CHƯƠNG 5. NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT					
25	Bài 19. Thủy quyển và vòng tuần hoàn lớn của nước	1	32	– Kể được tên được các thành phần chủ yếu của thủy quyển. – Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.	
26	Bài 20. Sông và hồ. Nước ngầm và băng hà	2	33,34	– Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn; mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông. – Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng và bảo vệ nguồn nước sông. – Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.	
27	Bài 21. Biển và đại dương	2	35,36	– Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới. – Trình bày được các hiện tượng sóng, thủy triều, dòng biển. – Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.	
CHƯƠNG 6. ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT					
28	Bài 22. Lớp đất trên Trái Đất	1	37	– Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất. – Trình bày được một số nhân tố hình thành đất. – Kể được tên và xác định được trên bản đồ một số nhóm đất điển hình ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới.	
29	ÔN TẬP GIỮA KÌ 2	1	38	Ôn tập, củng cố kiến thức đã học ở chương 4,5	
30	KIỂM TRA GIỮA KÌ 2	1	39	Nắm được kiến thức đã học ở chương 3,4,5; rèn các kĩ năng địa lí đã học về cấu tạo Trái Đất, Biến đổi khí hậu.	
31	Bài 23. Sự sống trên Trái Đất	1	40	– Nêu được ví dụ về sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương.	
32	Bài 24. Rừng nhiệt đới	1	41	– Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới. – Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương. Liên hệ kể tên các rừng nhiệt đới của Việt Nam.	
33	Bài 25. Sự phân bố các đới thiên nhiên trên Trái Đất.	1	42	– Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên thế giới.	
34	Bài 26. Thực hành: tìm hiểu môi trường tự nhiên địa phương	1	43	- Biết cách tìm hiểu ôi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương. - Biết cách áp dụng kiến thức đã học để tìm hiểu về một số vấn đề cụ thể của địa phương.	

CHƯƠNG 7. CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN					
35	Bài 27. Dân số và sự phân bố dân cư trên thế giới	2	44,45	– Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới. – Trình bày được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới. – Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới.	
36	Bài 28: Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên	2	46,47	– Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người. – Trình bày được những tác động chủ yếu của loài người lên thiên nhiên Trái Đất.	
37	Bài 29: Bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên vì sự phát triển bền vững	2	48,49	- Hiểu được khái niệm và sự cần thiết phải phát triển bền vững. - Đề phát triển bền vững cần bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên.	
38	ÔN TẬP CUỐI KÌ 2	1	50	-Ôn tập, củng cố kiến thức đã học ở chương 4,5,6,7.	
39	KIỂM TRA CUỐI KÌ 2	1	51	-Nắm được kiến thức đã học ở chương 4,5,6,7; rèn các kĩ năng về địa lí đã học.	
40	Bài 30: Thực hành: Tìm hiểu mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên địa phương	2	52	– Nêu được ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác các tài nguyên vì sự phát triển bền vững. Liên hệ thực tế địa phương.	

II. Kế hoạch kiểm tra đánh giá.

PHÂN LỊCH SỬ

Hình thức KTĐG	Bài học	Thời gian	Thời điểm	Công cụ	Ghi chú
Thường xuyên (1)	Bài 1: Lịch sử và cuộc sống Bài 2: Dựa vào đâu để biết và phục dựng lại lịch sử? Bài 3: Thời gian trong lịch sử Bài 4: Nguồn gốc loài người Bài 5: Xã hội nguyên thủy Bài 6: Sự chuyên biến và phân hóa	15 phút	Tuần 4	Đề kiểm tra Rubic đánh giá	
Thường xuyên (2)	Bài 7: Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại	10 phút	Tuần 6	Câu hỏi + Bảng	

	Bài 8: Ấn Độ cổ đại			kiểm	
ĐK- giữa học kì 1	Bài 1: Lịch sử và cuộc sống Bài 2: Dựa vào đâu để biết và phục dựng lại lịch sử? Bài 3: Thời gian trong lịch sử Bài 4: Nguồn gốc loài người Bài 5: Xã hội nguyên thủy Bài 6: Sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy. Bài 6: Sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy Bài 7: Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại Bài 8: Ấn Độ cổ đại	90 phút	Tuần 9	Đề kiểm tra	
	Bài 9: Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII Bài 10: Hy Lạp và La Mã cổ đại Bài 11: Các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á Bài 12: Sự hình thành và bước đầu phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á (TK VII - X) Bài 12: Sự hình thành và bước đầu phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á (TK VII - X) Bài 13: Giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á(từ đầu công nguyên đến thế kỷ X) Bài 14: Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc Bài 15: Chính sách cai trị của phong kiến hướng Bắc và sự chuyển biến của xã hội Âu Lạc.	90 phút	Tuần 18	Đề kiểm tra	
Thường xuyên (3)	Bài 16: Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập trước thế kỉ X. Bài 17: Cuộc đấu tranh giữ gìn và phát triển văn hóa dân tộc của người Việt	10phút	Tuần 24	Đề kiểm tra	
ĐK- giữa học kì 2	Bài 16: Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu	90 phút	Tuần 26	Sản phẩm học	

	giành độc lập trước thế kỉ X Bài 17: Cuộc đấu tranh giữ gìn và phát triển văn hóa dân tộc của người Việt			tập	
Thường xuyên (4)	Bài 18: Bước ngoặt lịch sử đầu TK X. Bài 19: Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X. Bài 20: Vương quốc Phù Nam	15 phút	Tuần 28	Đề kiểm tra	
ĐK - cuối học kì 2	Bài 18: Bước ngoặt lịch sử đầu TK X Bài 19: Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X Bài 20: Vương quốc Phù Nam	90 phút	32	Đề kiểm tra	

PHẦN ĐỊA LÝ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	Nắm được kiến thức, rèn kĩ năng khi học xong chương 1	
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	Nắm được kiến thức, rèn kĩ năng khi học xong chương 1,2	
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 26	Nắm được kiến thức, rèn kĩ năng khi học xong chương 3,4	
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	Nắm được kiến thức, rèn kĩ năng khi học xong chương 3,4,5,6,7	

III. Các nội dung khác:

- Sinh hoạt tổ chuyên môn theo nghiên cứu bài học các bộ môn lớp 6: Văn, Sử, GDCD
- Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ giảng dạy, xây dựng sáng kiến kinh nghiệm thúc đẩy đồng nghiệp cho nhóm giáo viên
- Đăng ký sáng kiến kinh nghiệm của nhóm GV
- Thành lập đội tuyển học sinh giỏi các môn: Văn, Sử, GDCG
- Đăng ký chỉ tiêu thi đua và chất lượng bộ môn với các môn lớp .
- Xây dựng kế hoạch và ôn luyện phụ đạo học sinh yếu bộ văn môn Ngữ văn .